| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 71/2020/QĐST-HNGĐ | *Hàm Thuận Bắc, ngày 06 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

*Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa:*

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1995.*

*Bị đơn: Anh Trần Minh M, sinh năm 1988.*

*Cùng địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.*

*Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2020,*

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thu T và anh Trần Minh M.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung: Khi ly hôn, chị T và anh M thỏa thuận với nhau về việc giải quyết con chung như sau:

- Về nuôi con:

Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 05/5/2015.

Anh M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 09/11/2012.

Anh M và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh M và chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh M và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M và chị T xác định không có nợ chung.

Về án phí:

Chị Lê Thị Thu T tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 đồng do chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005714 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc

Anh Trần Minh M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện HTB;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hà Văn Hơn**